

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2011

THÔNG TƯ

**Sau, bổ sung Thông tư 62/2009/TT-BTC ngày 27/3/2009,
Thông tư 02/2010/TT-BTC ngày 11/01/2010 và
Thông tư 12/2011/TT-BTC ngày 26/01/2011.**

Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thành viên cấu trúc của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi Thông tư 62/2009/TT-BTC ngày 27/3/2009, Thông tư 02/2010/TT-BTC ngày 11/01/2010 và Thông tư 12/2011/TT-BTC ngày 26/01/2011 như sau:

Điều 1. Sửa đổi Điều 5 Thông tư 62/2009/TT-BTC ngày 27/3/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính như sau:

Các tổ chức, cá nhân chi trả tiền hoa hồng về lý bán hàng hoá; tín dụng, tín dụng công, tín dụng khác, tín dụng khác cho cá nhân thực hiện các dịch vụ có tổng mức chi trả thu nhập từ 1.000.000 đồng trở lên thì thực hiện khấu trừ thu nhập khi trả thu nhập cho cá nhân theo hướng dẫn sau:

- Áp dụng mức khấu trừ theo tỷ lệ 10% trên thu nhập trả cho các cá nhân có mã số thuế và 20% nếu cá nhân không có mã số thuế, trừ các trường hợp Bộ Tài chính đã có văn bản hướng dẫn miễn trừ riêng (như tín dụng hàng hải, tín dụng bảo hiểm, tín dụng hàng hải quốc tế).

Tổ chức ký hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ với các cá nhân, tổ chức ký hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ có trách nhiệm thông báo cho các cá nhân về tỷ lệ khấu trừ nêu trên để cá nhân làm thủ tục xin cấp mã số thuế.

Các quan thuế thực hiện cấp ngay mã số thuế trong vòng 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ xin cấp mã số thuế.

- Trường hợp cá nhân chỉ có duy nhất thu nhập từ các nguồn phi khấu trừ thu nhập (kể cả tín dụng hàng hải, tín dụng quốc tế) theo tỷ lệ nêu trên thì người tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi trừ gia cảnh của năm cấp

n p thu (ví d cá nhân có thu nh p không n 48 tri u ng/n m n u c thân ho c d i 67,2 tri u ng/n m n u có 01 ng i ph thu c c gi m tr 12 tháng ho c d i 86,4 tri u ng/n m n u có 02 ng i ph thu c c gi m tr 12 tháng,...) thì cá nhân có thu nh p làm cam k t (theo M u s 23/BCK-TNCN ban hành kèm theo Thông t này) g i t ch c tr thu nh p t ch c tr thu nh p làm c n c t m th i ch a kh u tr thu TNCN. C n c vào cam k t c a ng i nh n thu nh p, t ch c tr thu nh p không kh u tr thu . K t thúc n m, t ch c chi tr thu nh p v n ph i cung c p danh sách và thu nh p c a nh ng ng i ch a n m c kh u tr thu cho c quan thu . Cá nhân làm cam k t ph i ch u trách nhi m v b n cam k t c a mình, tr ng h p phát hi n có s gian l n s b x lý theo quy nh c a Lu t qu n lý thu .

- Tr ng h p t ch c, cá nhân thuê lao ng theo h p ng th i v t trên 03 tháng n d i 12 tháng thì không áp d ng kh u tr thu theo t l nêu trên mà th c hi n t m kh u tr thu theo Bi u lu tí n t ng ph n tính trên thu nh p tháng.

i u 2. S a i i u 5 Thông t s 02/2010/TT-BTC ngày 11/01/2010 c a B Tài chính nh sau:

“3.5.3. Vi c xác nh thu Thu nh p cá nhân i v i cá nhân chuy n nh ng quy n s d ng t, nhà, c n h ã c c p Gi y ch ng nh n quy n s d ng t; gi y ch ng nh n quy n s h u nhà, c n h c th c hi n nh sau:

a. Giá chuy n nh ng là giá th c t ghi trên h p ng chuy n nh ng. Tr ng h p trên h p ng chuy n nh ng không ghi giá chuy n nh ng ho c ghi giá chuy n nh ng th p h n b ng giá t, giá tính l phí tr c b nhà do U ban nhân dân t nh, thành ph tr c thu c Trung ng (g i chung là UBND c p t nh) ban hành t i th i i m chuy n nh ng thì giá chuy n nh ng c xác nh theo b ng giá t, giá tính l phí tr c b do UBND c p t nh quy nh.

b. Giá v n bao g m giá mua và các chi phí liên quan (các chi phí liên quan n c p quy n s d ng t, quy n s h u nhà; chi phí c i t o t, nhà; chi phí xây d ng; các chi phí liên quan khác) mà ng i n p thu kê khai ph i có hoá n, ch ng t h p pháp ch ng minh.

c. Thu su t là 25% trên thu nh p chuy n nh ng (Giá chuy n nh ng – Giá v n).

Tr ng h p giá v n (giá mua và các chi phí liên quan) không có hoá n, ch ng t h p pháp y ch ng minh thì áp d ng thu su t 2% theo giá chuy n nh ng th c t ghi trên h p ng chuy n nh ng; tr ng h p trên h p ng chuy n nh ng không ghi giá chuy n nh ng ho c ghi giá chuy n nh ng th p h n b ng giá t, giá tính l phí tr c b nhà do UBND c p t nh quy nh thì giá tính thu l y theo b ng giá t, giá tính l phí tr c b nhà do UBND c p t nh quy nh.”

Điểm 3. Sản phẩm 2 Thông tư 12/2011/TT-BTC ngày 26/01/2011 của Bộ Tài Chính như sau:

1. **Điều lệ mua bán nhà, hợp tác góp vốn có quy định mua bán nhà, nhà, căn hộ ký trù có hiệu lực thi hành của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở, nay có hiệu lực thi hành cho cá nhân chuyển nhượng thì kê khai, nộp thuế thu nhập cá nhân 25% trên thu nhập.**

Trường hợp giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc ghi trên Tờ khai thuế TNCN thấp hơn giá trị, giá tính lệ phí trước bạ do UBND cấp tỉnh quy định thì giá chuyển nhượng hoặc không có hoá đơn, chứng từ hợp pháp chứng minh giá trị thực quan thuế thì giá chuyển nhượng và tính thuế 2% trên giá chuyển nhượng. Vì vậy, giá chuyển nhượng căn cứ vào bảng giá trị, giá tính lệ phí trước bạ do UBND cấp tỉnh quy định.

2. **Điều lệ chuyển nhượng hợp tác mua bán nhà hình thành trong tương lai cá nhân kê khai và nộp thuế theo thuế suất 25% trên thu nhập. Trường hợp giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng chuyển nhượng, trên tờ khai thuế thấp hơn giá trị, giá tính lệ phí trước bạ do UBND cấp tỉnh quy định thì giá chuyển nhượng; trường hợp không có hoá đơn, chứng từ hợp pháp chứng minh giá chuyển nhượng, giá trị thực quan thuế tính thuế 2% trên giá trị, giá tính lệ phí trước bạ do UBND cấp tỉnh quy định.**

Điểm 4. Thông tin:

1. Thông tin này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/9/2011. Bãi bỏ các hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân trái với hướng dẫn tại Thông tin này.

2. Trong quá trình thông tin, nếu có phát sinh vướng mắc xin các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) để giải quyết kịp thời.

Nội dung:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban chấp hành;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban chấp hành Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Ban Chấp hành Trung ương Đảng TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở Tài chính, Cục thuế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tài chính);
- Website Chính phủ;
- Các văn bản về Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCT (VT, TNCN). HÀ

KT. BỘ TÀI CHÍNH
TH. TRƯỞNG

Ã KÝ

Hoàng Anh Tuấn